

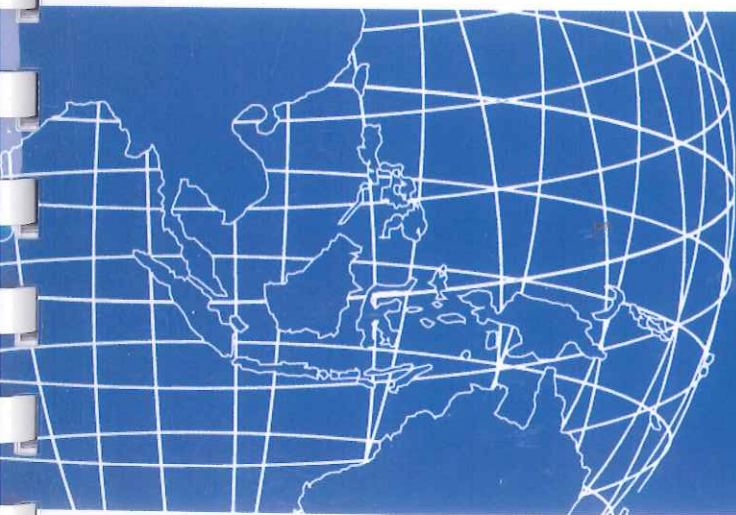
VIET DRAGON

Auditing Consulting Co., Ltd.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013



VDAC

Auditing & Consulting

We get success together

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

| NỘI DUNG | TRANG |
|------------------------------------------------------------|--------------|
| 1. Thông tin về doanh nghiệp | 2 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN) | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN) | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN) | 11 |
| 7. Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN) | 12 - 30 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Trà Rồng Vàng (gọi tắt là Công ty) là Công ty cổ phần được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1651/QĐ.UBND ngày 01 tháng 07 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 5800469093 ngày 05 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi đến lần thứ 4 số 5800469093 vào ngày 27 tháng 02 năm 2012.

| | | |
|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| Hội đồng quản trị | Ông Đoàn Trọng Phương Ông Bùi Quang Khoa Ông Nguyễn Đình Hai Ông Bùi Nam Long | Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên |
| Ban kiểm soát | Bà Mai Thị Trúc Giang Bà Nguyễn Thuý Linh | Trưởng ban Thành viên |
| Ban Giám đốc | Ông Hồ Hồng Nhân Ông Nguyễn Tiến Nông | Giám đốc Phó Giám đốc |
| Người đại diện theo pháp luật | Ông Hồ Hồng Nhân | Giám đốc |
| Trụ sở chính | Số 280 A Trần Phú, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng. | |
| Vốn điều lệ | 9.384.020.000 VND | |
| Điện thoại | 0633 863 746 | |
| Fax | 0633 862 237 | |
| Mã số thuế | 5 8 0 0 4 6 9 0 9 3 | |
| Hoạt động chính của Công ty | Trồng cây chè; Trồng cây cà phê; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm); Kinh doanh, chế biến các sản phẩm chè, cà phê và nước uống chè, cà phê, trái cây các loại. Kinh doanh bao bì để đóng gói chè, cà phê thành phẩm các loại. Kinh doanh các loại nông sản khác. Kinh doanh rượu, bia, hàng thực phẩm, bánh kẹo. Kinh doanh thiết bị máy móc sản xuất chè, cà phê. Cho thuê cửa hàng, nhà xưởng và máy móc thiết bị. | |
| Kiểm toán viên | Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt ("VDAC") | |

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 19 tháng 05 năm 2014, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Quang Khoa sang Ông Hồ Hồng Nhân.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hằng năm thể hiện một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại mọi thời điểm và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và sai quy định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được soạn thảo trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



HỒ HỒNG NHÂN

GIÁM ĐỐC

Bảo Lộc, ngày 28 tháng 05 năm 2014

Số:164.2014/VDAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Trà Rồng Vàng (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 05 năm 2014, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trà Rồng Vàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt



Lê Xuân Vinh – Tổng Giám đốc

Số GCNDKHN Kiểm toán: 1208-2013-201-01

Lê Đình Thục Đoàn – Kiểm toán viên

Số GCNDKHN Kiểm toán: 2197-2013-201-01

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 3.937.551.920 | 2.979.103.305 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 114.303.792 | 66.591.956 |
| 1. Tiền | 111 | | 114.303.792 | 66.591.956 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | 119.000.000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | 119.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.204.181.748 | 1.598.650.199 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | V.02 | 3.400.331.360 | 1.598.650.199 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | - | - |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | | - | - |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.03 | (196.149.612) | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.04 | 291.445.767 | 916.885.152 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 378.908.221 | 916.885.152 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (87.462.454) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 327.620.613 | 277.975.998 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 310.000 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 317.315.089 | 257.600.434 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 1.000.000 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.05 | 9.305.524 | 20.065.564 |
| B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260) | 200 | | 2.868.375.325 | 3.108.999.952 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 2.680.819.487 | 3.087.773.447 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.06 | 2.638.512.612 | 3.033.701.262 |
| - Nguyên giá | 222 | | 5.852.599.834 | 6.212.001.389 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (3.214.087.222) | (3.178.300.127) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.07 | 42.306.875 | 42.306.875 |
| - Nguyên giá | 228 | | 42.306.875 | 42.306.875 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | 11.765.310 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| - Nguyên giá | 241 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 187.555.838 | 21.226.505 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.08 | 187.555.838 | 21.226.505 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| Tổng cộng tài sản (270 = 100+200) | 270 | | 6.805.927.245 | 6.088.103.257 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A. Nợ phải trả (300 = 310+330) | 300 | | 3.757.336.678 | 3.334.025.364 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 3.743.336.678 | 3.334.025.364 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.09 | 1.770.410.000 | 2.160.000.000 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.10 | 1.949.377.554 | 951.173.348 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 1.434.454 | - |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.11 | 41.620.800 | 3.900.000 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | - | 31.480.384 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.12 | 72.989.651 | 265.556.505 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.13 | (92.495.781) | (78.084.873) |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 14.000.000 | - |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.14 | 14.000.000 | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430) | 400 | | 3.048.590.567 | 2.754.077.893 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 3.048.590.567 | 2.754.077.893 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 9.384.020.000 | 9.384.020.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 31.234.205 | 31.234.205 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 50.343.001 | 50.343.001 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 58.286.339 | 58.286.339 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (6.475.292.978) | (6.769.805.652) |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400) | 440 | | 6.805.927.245 | 6.088.103.257 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN
(Đơn vị tính: VND)

| CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|-------------|-------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | | - | - |
| > Dollar Mỹ (USD) | | - | - |
| > Euro (EUR) | | - | - |
| > Dollar Singapore (SGD) | | - | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Báo Lộc, ngày 28 tháng 05 năm 2014


HỒ HỒNG NHÂN
Giám đốc

NGUYỄN TIẾN NÔNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN TIẾN NÔNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 02 - DN

(Đơn vị tính: VND)

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 17.768.957.712 | 17.802.346.025 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | 30.485.000 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | VI.01 | 17.768.957.712 | 17.771.861.025 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 15.447.391.692 | 15.584.330.467 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 2.321.566.020 | 2.187.530.558 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 51.020.220 | 24.092.110 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 163.712.661 | 434.935.162 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 161.592.661 | 416.430.857 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.05 | 1.006.145.972 | 913.680.915 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.06 | 908.214.933 | 956.719.324 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)} | 30 | | 294.512.674 | (93.712.733) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | 108.410.143 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 9.422.822 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | - | 98.987.321 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 294.512.674 | 5.274.588 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.07 | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 294.512.674 | 5.274.588 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.08 | 3.138 | 56 |

Bảo Lộc, ngày 28 tháng 05 năm 2014



HỒ HỒNG NHÂN
Giám đốc

NGUYỄN TIẾN NÔNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN TIẾN NÔNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 03 - DN

(Đơn vị tính: VND)

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 294.512.674 | 5.274.588 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 281.900.669 | 45.335.935 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 283.612.066 | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (13.998.821) | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 161.592.661 | 416.430.857 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 1.007.619.249 | 467.041.380 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (1.851.635.776) | (1.325.158.988) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 537.976.931 | 3.969.028.635 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 812.901.314 | (1.670.681.138) |
| - Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | (52.731.352) | 211.041.405 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (161.592.661) | (416.430.857) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 292.537.705 | 1.234.840.437 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | 265.302.381 |
| - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 11.765.310 | - |
| - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 119.000.000 | (119.000.000) |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 13.998.821 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 144.764.131 | 146.302.381 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 5.536.207.383 | - |
| - Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (5.925.797.383) | (1.642.734.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (389.590.000) | (1.642.734.500) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 47.711.836 | (261.591.682) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.01 | 66.591.956 | 328.183.638 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.01 | 114.303.792 | 66.591.956 |

Bảo Lộc, ngày 28 tháng 05 năm 2014

HỒ HỒNG NHÂN
Giám đốc

NGUYỄN TIẾN NÔNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN TIẾN NÔNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.**

2. **Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Sản xuất.**

3. **Ngành nghề kinh doanh**

Trồng cây chè; Trồng cây cà phê; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm); Kinh doanh, chế biến các sản phẩm chè, cà phê và nước uống chè, cà phê, trái cây các loại. Kinh doanh bao bì để đóng gói chè, cà phê thành phẩm các loại. Kinh doanh các loại nông sản khác. Kinh doanh rượu, bia, hàng thực phẩm, bánh kẹo. Kinh doanh thiết bị máy móc sản xuất chè, cà phê. Cho thuê cửa hàng, nhà xưởng và máy móc thiết bị.

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.**

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ 08 của Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. **Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 04 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 06 năm 2013, thay thế thông tư 203/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 29 tháng 10 năm 2009.

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản ký quỹ dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản trả khác và phải trả dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận

• Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ. Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

• Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

- Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

- Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Phương pháp khấu hao

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| Loại tài sản cố định | Năm |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 |
| Máy móc và thiết bị | 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |
| Vườn cây lâu năm | 40 |

- Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Doanh nghiệp. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

8. Ghi nhận chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

9. Chi phí phải trả và chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu*
 - Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

 - Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****01. Tiền**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|---------------------------|--------------------------|
| - Tiền mặt | 75.159.642 | 38.163.146 |
| - Tiền gửi ngân hàng | 39.144.150 | 28.428.810 |
| • Tiền gửi ngân hàng - VND | 10.003.191 | 5.394.917 |
| • Tiền gửi ngân hàng - USD | 29.140.959 | 23.033.893 |
| Cộng | <u>114.303.792</u> | <u>66.591.956</u> |

02. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 1.615.728.173 | 911.473.329 |
| - TIME ENTER PRISES | 1.548.379.574 | - |
| - Chi nhánh Ladotea | - | 398.837.840 |
| - Các khách hàng khác | 236.223.613 | 288.339.030 |
| Cộng | <u>3.400.331.360</u> | <u>1.598.650.199</u> |

03. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|
| - Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán | - | - |
| ➤ <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm</i> | (196.149.612) | - |
| Cộng | <u>(196.149.612)</u> | <u>-</u> |

04. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| - Nguyên liệu, vật liệu | 234.600.257 | 668.417.708 |
| - Công cụ, dụng cụ | 1.039.820 | 979.820 |
| - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 32.251.730 | 76.391.960 |
| - Thành phẩm | 99.035.311 | 124.563.219 |
| - Hàng gửi đi bán | 11.981.103 | 46.532.445 |
| Cộng | <u>378.908.221</u> | <u>916.885.152</u> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (87.462.454) | - |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | <u>291.445.767</u> | <u>916.885.152</u> |

05. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------|-------------------------|--------------------------|
| - Tạm ứng | 9.305.524 | 20.065.564 |
| Cộng | <u>9.305.524</u> | <u>20.065.564</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN
(Đơn vị tính: VND)

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Vườn câu lâu năm | Tổng cộng |
|-----------------------------------|---------------------------|-------------------|------------------------------------|------------------------------|---------------------|---------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.668.389.066 | 2.634.679.271 | 310.690.389 | 12.517.000 | 1.585.725.663 | 6.212.001.389 |
| - Chuyển sang công cụ dụng cụ (*) | 48.037.800 | 277.180.243 | - | 12.517.000 | 21.666.512 | 359.401.555 |
| Số dư cuối năm | 1.620.351.266 | 2.357.499.028 | 310.690.389 | - | 1.564.059.151 | 5.852.599.834 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 725.901.500 | 1.633.056.313 | 168.290.635 | 12.517.000 | 638.534.679 | 3.178.300.127 |
| - Khấu hao trong năm | 65.853.492 | 145.334.996 | 31.069.039 | - | 39.643.142 | 281.900.669 |
| - Chuyển sang công cụ dụng cụ (*) | 38.249.368 | 192.269.269 | - | 12.517.000 | 3.077.937 | 246.113.574 |
| Số dư cuối năm | 753.505.624 | 1.586.122.040 | 199.359.674 | - | 675.099.884 | 3.214.087.222 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | 942.487.566 | 1.001.622.958 | 142.399.754 | - | 947.190.984 | 3.033.701.262 |
| - Tại ngày cuối năm | 866.845.642 | 771.376.988 | 111.330.715 | - | 888.959.267 | 2.638.512.612 |

(*) Tài sản cố định không đủ điều kiện theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 chuyển sang công cụ dụng cụ phân bổ.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 972.335.000 VND (năm 2012 là 832.468.987 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Tổng cộng |
|-----------------------------------------|-------------------|------------|
| Nguyên giá | | |
| Số dư đầu năm | 42.306.875 | 42.306.875 |
| Mua trong năm | - | - |
| Giảm khác | - | - |
| Số dư cuối năm | 42.306.875 | 42.306.875 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số dư đầu năm | - | - |
| Khấu hao trong năm | - | - |
| Giảm khác | - | - |
| Số dư cuối năm | - | - |
| Giá trị còn lại tại ngày đầu năm | 42.306.875 | 42.306.875 |
| Tại ngày cuối năm | 42.306.875 | 42.306.875 |

08. Chi phí trả trước dài hạn

| | Giá trị |
|-----------------------------------------|-------------|
| - Số đầu năm | 21.226.505 |
| - Tăng trong năm | 248.486.551 |
| - Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm | 82.157.218 |
| - Số cuối năm | 187.555.838 |

09. Vay và nợ ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc (*) | 1.770.410.000 | 1.860.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông | - | 300.000.000 |
| Cộng | 1.770.410.000 | 2.160.000.000 |

(*) Khoản vay ngắn hạn VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc theo hợp đồng vay số 2005/2012/HĐ ngày 15 tháng 11 năm 2012 nội dung như sau:

- Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ
- Thời hạn vay: 01 năm
- Tài sản thế chấp: Nhà xưởng, công trình trên đất của Công ty Cổ phần Trà Rồng Vàng tại Khu 3, Hà Giang, Phường 2, Thành phố Bảo Lộc. Toàn bộ giá trị cây trà trên đất tại thôn 8, Xã Lộc An, Huyện Bảo Lâm. Quyền sở hữu 07 máy vò chè.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***10. Phải trả người bán**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 1.485.656.073 | 126.152.822 |
| - Công ty Cổ phần Chè Cầu Đất | 336.958.600 | - |
| - Công ty Cổ phần Chè Cà phê Di Linh | | 812.155.740 |
| - Nhà cung cấp khác | 126.762.881 | 12.864.786 |
| Cộng | <u>1.949.377.554</u> | <u>951.173.348</u> |

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|------------------------------------|-------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| I. Thuế | 3.900.000 | 295.420.523 | 258.699.723 | 40.620.800 |
| 1. Thuế giá trị gia tăng | - | | | - |
| 2. Thuế thu nhập doanh | - | | | - |
| 3. Thuế thu nhập cá nhân | 3.900.000 | 11.958.650 | 16.858.650 | (1.000.000) |
| 4. Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 281.461.873 | 239.841.073 | 41.620.800 |
| 5. Các loại thuế khác | - | 2.000.000 | 2.000.000 | - |
| - Thuế môn bài | - | 2.000.000 | 2.000.000 | - |
| II. Các khoản phải nộp khác | - | - | - | - |
| Cộng | <u>3.900.000</u> | <u>295.420.523</u> | <u>258.699.723</u> | <u>40.620.800</u> |

(*) Trình bày ở khoản mục "Thuế và các khoản phải thu nhà nước".

- **Thuế giá trị gia tăng:** Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Xuất khẩu 0%
- Bán nội địa 5%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Xem Thuyết minh VI.07.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế theo nhiều loại hình khác nhau có thể giải thích khác nhau, vì vậy các khoản thuế phải nộp của Công ty cũng theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|--------------------------|---------------------------|
| - Kinh phí công đoàn | 15.779.310 | 18.204.915 |
| - Bảo hiểm xã hội | 18.320.328 | 11.593.260 |
| - Bảo hiểm y tế | 5.005.781 | 2.898.317 |
| - Phải trả về cổ phần hóa | 306.000 | 306.000 |
| - Phải trả, phải nộp khác | 30.501.947 | 231.265.873 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 3.076.285 | 1.288.140 |
| Cộng | <u>72.989.651</u> | <u>265.556.505</u> |

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Giá trị</u> |
|--------------------------------------------|----------------------------|
| - Số đầu năm | (78.084.873) |
| - Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm | - |
| - Chi quỹ trong năm | 14.410.908 |
| - Số cuối năm | <u>(92.495.781)</u> |

14. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------------|--------------------------|-------------------|
| - Ký quỹ tiền thuê nhà của Công ty Vũ Linh | 14.000.000 | - |
| Cộng | <u>14.000.000</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN
(Đơn vị tính: VND)

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| Chỉ tiêu | Vốn chủ sở hữu | | | | | | |
|------------------------|----------------|------------|---|------------|------------|-----------------|---------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| A | | | | | | | |
| Số dư đầu năm trước | 9.384.020.000 | 31.234.205 | - | 50.343.001 | 58.286.339 | (6.775.080.239) | 2.748.803.306 |
| - Tăng trong năm trước | - | - | - | - | - | - | - |
| - Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - | 5.274.587 | 5.274.587 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm trong năm trước | - | - | - | - | - | - | - |
| - Lỗ trong năm trước | - | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước | 9.384.020.000 | 31.234.205 | - | 50.343.001 | 58.286.339 | (6.769.805.652) | 2.754.077.893 |
| Số dư đầu năm nay | 9.384.020.000 | 31.234.205 | - | 50.343.001 | 58.286.339 | (6.769.805.652) | 2.754.077.893 |
| - Tăng trong năm nay | - | - | - | - | - | - | - |
| - Lãi trong năm nay | - | - | - | - | - | 294.512.674 | 294.512.674 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm trong năm nay | - | - | - | - | - | - | - |
| - Lỗ trong năm nay | - | - | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm nay | 9.384.020.000 | 31.234.205 | - | 50.343.001 | 58.286.339 | (6.475.292.978) | 3.048.590.567 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------|----------------|----------------------|----------------|----------------------|
| | Tỷ lệ (%) | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) | Giá trị (VND) |
| - Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng | 12,50% | 1.173.000.000 | 12,50% | 1.173.000.000 |
| - Bà Nguyễn Thị Thu | 2,51% | 235.760.000 | 2,51% | 235.760.000 |
| - Ông Đào Văn Túc | 0,39% | 36.680.000 | 0,39% | 36.680.000 |
| - Bà Lâm Thị Vy Tha | 1,24% | 116.600.000 | 1,24% | 116.600.000 |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Hà | 0,42% | 39.860.000 | 0,42% | 39.860.000 |
| - Ông Huỳnh Văn Duẩn | 1,46% | 137.160.000 | 1,46% | 137.160.000 |
| - Các cổ đông khác | 81,47% | 7.644.960.000 | 81,47% | 7.644.960.000 |
| Cộng | 100,00% | 9.384.020.000 | 100,00% | 9.384.020.000 |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------------|---------------|---------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 93.840 | 93.840 |
| Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng | 93.840 | 93.840 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 93.840 | 93.840 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| | 93.840 | 93.840 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng/ cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 17.768.957.712 | 17.802.346.025 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | - | 56.129.500 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 15.648.693.094 | 15.828.423.611 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.664.843.418 | 1.472.311.514 |
| - Doanh thu bán hàng nội bộ | 455.421.200 | 445.481.400 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | 30.485.000 |
| - Giảm giá hàng bán | - | 30.485.000 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 17.768.957.712 | 17.771.861.025 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | - | 56.129.500 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 15.648.693.094 | 15.797.938.611 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.664.843.418 | 1.472.311.514 |
| - Doanh thu bán hàng nội bộ | 455.421.200 | 445.481.400 |

02. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán | - | 50.203.200 |
| - Giá vốn của thành phẩm đã bán | 15.447.391.692 | 15.534.127.267 |
| Cộng | 15.447.391.692 | 15.584.330.467 |

03. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Lãi tiền gửi | 2.233.511 | 1.222.044 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 48.786.709 | 22.870.066 |
| Cộng | 51.020.220 | 24.092.110 |

04. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| - Lãi tiền vay | 161.592.661 | 416.430.857 |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 120.000 | 14.475.030 |
| - Chi phí tài chính khác | 2.000.000 | 4.029.275 |
| Cộng | 163.712.661 | 434.935.162 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***05. Chi phí bán hàng**

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|----------------------|--------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 106.335.857 | 60.528.217 |
| - Chi phí vật liệu, bao bì | - | 140.000 |
| - Chi phí dụng cụ, đồ dùng | - | 31.875.674 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 1.188.000 |
| - Chi phí bảo hành | 47.823.400 | - |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 715.949.398 | 806.873.160 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 136.037.317 | 13.075.864 |
| Cộng | 1.006.145.972 | 913.680.915 |

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 481.877.951 | 478.092.714 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 100.000 | 323.400 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | 14.295.448 | 82.949.832 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 23.032.702 | 54.101.739 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 36.944.676 | 271.823.789 |
| - Chi phí dự phòng | 283.612.066 | - |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 18.104.987 | 25.810.849 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 50.247.103 | 43.617.001 |
| Cộng | 908.214.933 | 956.719.324 |

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 294.512.674 | 5.274.588 |
| - Điều chỉnh lợi nhuận kế toán: | - | - |
| + <i>Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng</i> | - | - |
| + <i>Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm</i> | - | - |
| + <i>Trừ: Chuyển lỗ</i> | - | - |
| | <i>(294.512.674)</i> | <i>(5.274.588)</i> |
| Tổng thu nhập chịu thuế | - | - |
| Thuế suất áp dụng | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|
| - Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 294.512.674 | 5.274.588 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 294.512.674 | 5.274.588 |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 93.840 | 93.840 |
| - Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.138 | 56 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 93.840 | 93.840 |
| - Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| - Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | - | - |
| Cộng | 93.840 | 93.840 |

09. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 15.461.787.140 | 15.699.619.373 |
| - Chi phí nhân công | 588.213.808 | 538.620.931 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 23.032.702 | 55.289.739 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 734.054.385 | 832.684.009 |
| - Chi phí khác | 554.664.562 | 328.516.654 |
| Cộng | 17.361.752.597 | 17.454.730.706 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan

Mối quan hệ

| | |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| - Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng | Cổ đông góp vốn |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | Ông Bùi Quang Khoa (Giám đốc) là quản lý của Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng |

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan, nghiệp vụ phát sinh và số dư như sau:

| | Nội dung nghiệp vụ | Số tiền | Số dư cuối năm |
|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------|-----------------------|
| <u>Phải thu khách hàng</u> | | | |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | Gia công sàng | 1.271.945.378 | 817.251.775 |
| | Gia công chè xô | 407.632.380 | 407.632.380 |
| | Mua bao bì | 16.042.534 | 16.042.534 |
| | Bán chè tươi | 1.115.155.807 | 169.051.484 |
| | Tiền thuê máy móc | 123.750.000 | 205.750.000 |
| <u>Phải trả người bán</u> | | | |
| Công ty Cổ phần Chè Lâm Đồng | Chi phí xuất khẩu | 18.150.000 | 1.650.000 |
| | Mua bao bì | 9.652.500 | - |
| | Dịch vụ khác | 1.650.000 | 1.650.000 |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | Mua bao bì | 18.960.260 | 6.451.060 |
| | Tiền mua chè tươi và phí gia công | 13.378.774.772 | 1.479.205.013 |

02. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

- **Các chính sách kế toán chủ yếu**
- Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh phần IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

• **Rủi ro thị trường**

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.
- Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.
- Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:
 - Độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
 - Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giá định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

• **Rủi ro về giá hàng hóa**

- Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

• **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

- Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.
- Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Tiền gửi ngân hàng

- Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.01. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.
- **Rủi ro thanh khoản**
 - Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
 - Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.
 - Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

| | Bất kỳ thời điểm nào | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng cộng |
|----------------------------------|---------------------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2013 | | | | |
| - Các khoản vay | - | 1.770.410.000 | - | 1.770.410.000 |
| - Phải trả người bán | 1.949.377.554 | - | - | 1.949.377.554 |
| - Các khoản phải trả khác | 15.779.310 | - | - | 15.779.310 |
| - Phải trả dài hạn khác | - | - | 14.000.000 | 14.000.000 |
| Cộng | 1.965.156.864 | 1.770.410.000 | 14.000.000 | 3.749.566.864 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2012 | | | | |
| - Các khoản vay | - | 2.160.000.000 | - | 2.160.000.000 |
| - Phải trả người bán | 951.173.348 | - | - | 951.173.348 |
| - Các khoản phải trả khác | 265.556.505 | - | - | 265.556.505 |
| Cộng | 1.216.729.853 | 2.160.000.000 | - | 3.376.729.853 |

- Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.
- Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ RỒNG VÀNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Đơn vị tính: VND

| | Bất kỳ thời điểm nào | Dưới 1 năm | Trên 1 năm | Tổng cộng |
|----------------------------------|---------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2013 | | | | |
| - Tiền | 114.303.792 | - | - | 114.303.792 |
| - Phải thu khách hàng | 3.400.331.360 | - | - | 3.400.331.360 |
| Cộng | 3.514.635.152 | - | - | 3.514.635.152 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2012 | | | | |
| - Tiền | 66.591.956 | - | - | 66.591.956 |
| - Phải thu khách hàng | 1.598.650.199 | - | - | 1.598.650.199 |
| Cộng | 1.665.242.155 | - | - | 1.665.242.155 |

03. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

Bảo Lộc, ngày 28 tháng 05 năm 2014



HỒ HỒNG NHÂN
Giám đốc

NGUYỄN TIẾN NÔNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN TIẾN NÔNG
Người lập biểu

www.vdac.com.vn



VIET DRAGON
Auditing Consulting Co., Ltd.

59 Nguyen Quy Duc St., An Phu Ward, Dist. 2, HCMC
Tel.: (08) 62 871 141 - 62 871 142 - 62 871 151 - Fax: (08) 62 871 152
Email: vdac@vdac.com.vn